UBND XÃ BẮC LÝ
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI QUỸ DỊCH VỤ VỆ SINH
Năm học 2025-2026

I. Phần Thu

Số HS	ĐVT	Số tháng	Số tiền/trẻ/ tháng (đ)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
450	trẻ	9	20.000	81.000.000	

I. Phần Chi

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi công dọn nhà vệ sinh khép kín (300.000đ/lớp/tháng x 18 lớp x 9 tháng)				48.600.000	
2	Cây lau nhà (2 chiếc/lớp/năm học x 18 lớp)	Chiếc	36	68.000	2.448.000	
3	Chổi chít (2 chiếc/lớp/năm học x 18 lớp)	Chiếc	36	29.000	1.044.000	
4	Chổi nhựa (2 chiếc/lớp/năm học x 18 lớp)	Chiếc	36	25.000	900.000	
5	Bột giặt omo	Kg	40	23.000	920.000	
6	Giấy vệ sinh	Bịch	140	65.000	9.100.000	
7	Găng tay cao su (mỗi lớp 2 đôi/ năm học)	Đôi	36	22.000	792.000	
8	Nước lau sàn	Lọ	160	55.000	8.800.000	
9	Nước rửa tay lifeboy 500ml	Hộp	134	33.000	4.422.000	
10	Tẩy vim	Lọ	144	20.000	2.880.000	
11	Thùng rác	Chiếc	5	218.800	1.094.000	
	Tổng cộng				**81.000.000**	

Bắc Lý, ngày 12 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Oanh

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Vân Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ BẮC LÝ
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI TIỀN QUẢN LÝ, CHĂM SÓC TRẺ BUỔI TRƯA
Năm học 2025-2026

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Số tiền	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
I	**Phần thu**					**444.510.000**	
1	Số học sinh ra lớp	trẻ	450				
2	Dự kiến Số trẻ ăn bán trú tại trường trong tháng (từ T9/2025 - T5/2026)	Trẻ	442	5.000đ/ngày x 22 ngày	9	444.510.000	
II	**Phần chi**						
	Nội dung chi		**Số GV**	**Số tiền**	**Số tháng**	**Thành tiền (đ)**	
1	Chi trả giáo viên trực trưa theo bảng chấm công: 85%		37	1.134.635	9	377.833.500	
2	Chi công tác quản lý: 15%					66.676.500	

Bắc Lý, ngày 12 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Oanh

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ BẮC LÝ TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

Đặng Thị Vân Ánh

Scanned with CamScanner

ỦBND XÃ BẮC LÝ
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI TIẾT THU CHI TIỀN ĂN BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Dự kiến thu

Mức thu 1 ngày :	20.000đ/HS/ngày
Mức thu 1 tháng 22 ngày :	440.000đ/HS/ tháng
Số tháng thu :	9 tháng
Tổng số HS :	450 HS
Dự kiến số HS ăn bán trú :	442 HS
Tổng thu :	**1.750.320.000 đ**

2. Các nội dung chi và dự kiến mức chi cho 1 học sinh

a, Mẫu giáo

Stt	Nội dung chi	Mức chi 1 ngày (đ/HS)	Mức chi 1 tháng (22 ngày) (đ/HS)	Số học sinh MG	Tổng chi 1 năm học (9 tháng) (đ)
1	Chi nấu ăn bữa phụ	7.000	154.000	340	471.240.000
2	Chi nấu ăn bữa chính	13.000	286.000	340	875.160.000
Tổng cộng		**20.000**	**440.000**		**1.346.400.000**

b, Nhà trẻ

Stt	Nội dung chi	Mức chi 1 ngày (đ/HS)	Mức chi 1 tháng (22 ngày) (đ/HS)	Số học sinh NT	Tổng chi 1 năm học (9 tháng) (đ)
1	Chi nấu ăn bữa phụ	4.000	88.000	102	80.784.000
2	Chi nấu ăn bữa chính sáng	10.000	220.000	102	201.960.000
2	Chi nấu ăn bữa chính chiều	6.000	132.000	102	121.176.000
Tổng cộng		**20.000**	**440.000**		**403.920.000**

Bắc Lý, ngày 12 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Oanh

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ BẮC LÝ TỈNH LẠNG SƠN
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

Đặng Thị Vân Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ BẮC LÝ
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI TIẾT THU - CHI TIỀN XÃ HỘI HÓA TRẢ CÔNG NGƯỜI NẤU ĂN NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Dự kiến thu

- Tổng số học sinh : 450 trẻ

- Số học sinh tham gia ăn bán trú: 442 trẻ

Thu từ T9/2025 - T5/2026 : 442 trẻ x 95.000đ/trẻ/tháng x 9 tháng = 377.910.000đ

2. Nội dung chi và dự kiến mức chi

Chi trả tiền công nhân viên nấu ăn:

STT	Nội dung chi	Số tiền/ người/tháng (đ)	Số người nấu ăn (người)	Số tháng	Thành tiền (đ)
1	Kinh phí chi tiền công 9 tháng *(Từ 01/9/2025 đến 31/5/2026)*	5.750.000	6	9	310.500.000
2	Kinh phí chi tiền bảo hiểm 21,5% (BHXH, BHYT, BHTN, BHTNNN) 9 tháng *(Từ 01/9/2024 đến 31/5/2025)*	1.236.250	6	9	66.757.500
	Tổng kinh phí trả công người nấu ăn năm học 2025-2026				**377.257.500**

- Số tiền thừa: 652.500 đồng (Số tiền thừa sẽ cân đối vào T5.2026 đảm bảo thu đủ bù chi đến hết T5.2026)

Bắc Lý, ngày 12 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Oanh	Đặng Thị Vân Ánh

Scanned with CamScanner

UBND XÃ BẮC LÝ
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

CÔNG KHAI
DỰ TOÁN THU - CHI MUA SẮM ĐỒ DÙNG, DỤNG CỤ PHỤC VỤ NUÔI ĂN BÁN TRÚ
Năm học 2025-2026

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	**Phần thu (thu theo năm)**				**27.000.000**	
	Thu của trẻ đã học năm trước	Trẻ	360	50.000	18.000.000	
	Thu của trẻ mới đi học lần đầu	Trẻ	90	100.000	9.000.000	
II	**Phần chi**				**27.000.000**	
I	**Đồ dùng vệ sinh và đồ dùng cá nhân của trẻ**				**13.230.000**	
1	Ca cốc	Cái	450	4.000	1.800.000	
2	Khăn	Cái	900	4.000	3.600.000	
3	Chăn lông	Chiếc	27	290.000	7.830.000	
II	**Đồ dùng phục vụ nuôi ăn bán trú**				**13.770.000**	
1	Dầu rửa bát	Can	50	110.000	5.500.000	
2	Rá To	Cái	10	30.000	300.000	
3	Rổ nhựa	Cái	10	35.000	350.000	
4	Dao thái	Cái	12	20.000	240.000	
5	Dao chặt	Cái	2	200.000	400.000	
6	Thau nhựa nhỡ đựng bát	Cái	15	30.000	450.000	
7	Thớt gỗ	Chiếc	1	290.000	290.000	
8	Bát chống nóng inox	Cái	120	7.000	840.000	
9	Thìa Inox	Cái	50	4.000	200.000	
10	Cọ xoong	Túi	1	90.000	90.000	
11	Găng tay cao su	Đôi	20	22.000	440.000	
12	Găng tay nilon	Hộp	20	15.000	300.000	
13	Búi rửa bát	Búi	50	2.000	100.000	
14	Tem vỡ lưu mẫu thực phẩm	Tờ	50	13.000	650.000	
15	Nạo vỏ	Cái	15	4.000	60.000	
16	Mui nhựa	Cái	20	18.000	360.000	
17	Máy xay thịt	Cái	1	3.200.000	3.200.000	

Bắc Lý, ngày 12 tháng 11 năm 2025

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Oanh

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ BẮC LÝ TỈNH LẠNG SƠN
TRƯỜNG MẦM NON BẮC LÝ

Đặng Thị Vân Ánh

Scanned with CamScanner